

Bản án số: 111/2019/HSST

Ngày 21 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Thẩm phán: Ông Hoàng Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thào Thị Hồng Nhung, bà Bùi Thị Đào, ông Bùi Thế Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Cầm Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Như L1 tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/09/1989 tại C, Sơn La; Nơi cư trú: bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Phạm Như B và bà Trần Thị G (đều đã chết); có vợ là: Vũ Thị L1 và có 01 con sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Vì Văn L2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 21/01/1996 tại C, Sơn La; Nơi cư trú: bản Phụ, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Xinh Mun; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Vì Văn P (Pười) và bà Vì Thị P1; có vợ là: Lò Thị L3 và có 01 con sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Vũ Thị L1, sinh năm 1992; trú tại bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Như L:** Ông Nguyễn Bá L4 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Vì Văn L2:** Ông Lò Văn L5 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11h 05 phút ngày 18/06/2019, tại khu vực bản A, xã B, huyện C, tổ công tác giữa Đồn Biên phòng Cửa khẩu B, C phối hợp với các L lượng chức năng trên địa bàn trong khi làm nhiệm vụ đã phát hiện bắt quả tang đối với Phạm Như L và Vì Văn L2, đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, thu giữ vật chứng gồm: 09 túi ni lon bên trong có các viên nén màu hồng (nghi hồng phiến); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - WaWe α , BKS - 26B1 - 831.58 và 02 chiếc điện thoại di động.

Kết quả kiểm tra và cân tịnh xác định khối lượng 09 túi nilon: bên trong có 1.740 viên nén màu hồng, tổng khối lượng là 164,02 gam, đồng thời trích lấy mẫu trung cầu giám định. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận mẫu gửi giám định đều là ma túy; loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L2 khai nhận:

Trước ngày bị bắt khoảng 01 tháng, khi L đang ở nhà thì có một người đàn ông (không quen biết) đến mua 01 chậu cây hoa Phong Lan và tự giới thiệu tên L6 nhà ở Hưng Yên. Khoảng mấy ngày sau L6 lại đến nhà L đặt vấn đề bảo L tìm mua ma túy (hồng phiến), nhưng L chưa nhận lời, sau đó hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Đến khoảng 06 giờ ngày 17/6/2019, L6 gọi điện bảo L tìm mua 10 túi hồng phiến L6 mua lại với giá 4.000.000đồng/01 túi, L đồng ý và nói khi nào có ma túy sẽ thông báo sau. Sau đó, L gọi điện cho một người đàn ông trú tại bản A,

Cụm bản B, huyện C, Hòa Phấn - Lào (L đã quen biết trước đó tại chợ B, C) và hỏi mua nợ 10 túi hồng phiến giá 3.500.000VNĐ/01 túi, hẹn khi nào bán được ma túy sẽ trả tiền sau, người đàn ông đó đồng ý và A thời gian địa điểm giao nhận ma túy vào sáng ngày 18/6/2019, tại khu vực đường tuần tra biên giới thuộc bản Là, xã B, huyện C.

Khoảng 7h ngày 18/6/2019, L đi xe máy đến điểm hẹn và gặp một người đàn ông người Lào, khoảng 20 tuổi (không quen biết) qua trao đổi người đàn ông biết L là người đến nhận ma túy, nên đã đưa cho L 01 gói giấy màu trắng bên trong có 09 túi hồng phiến, được gói bằng các túi nilon màu hồng và màu xanh, giao nhận ma túy xong người đàn ông đó bỏ đi. L đem số ma túy trên về nhà và cất giấu vào một chậu cây Phong Lan rồi phủ mùn cửa lên trên.

Khoảng 10h cùng ngày 18/6/2019 L gọi điện cho L6 thông báo đã có ma túy. Hai người A địa điểm mua bán ma túy tại khu vực bản A, xã B. Sau đó L rủ Vì Văn L2 (là người làm thuê cho gia đình L), cùng đi với L để bán chậu cây Phong Lan, L2 đồng ý. L điều khiển xe máy chở L2 ngồi sau cầm chậu cây Phong Lan (bên trong có ma túy). Trên đường đi, L2 hỏi L mang chậu cây hoa Phong Lan đi đâu, L nói cho L2 biết L đang mang ma túy được giấu trong chậu cây Phong Lan mà L2 đang cầm trên tay đi bán cho khách, sau khi bán được ma túy xong sẽ trả tiền công cho L2 150.000 đồng, L2 đồng ý cùng L đi bán ma túy.

Khoảng 11h cùng ngày L và L2 mang số ma túy được giấu trong chậu cây Phong Lan đến khu vực bản A, xã B, huyện C thì gặp người đàn ông tên L6 đang đứng cạnh xe ô tô (không rõ biển kiểm soát) ở bên đường. L nhận chậu cây Phong Lan từ L2 rồi lấy gói ma túy đưa cho L6. Khi L và L6 đang kiểm tra ma túy, thì bị L lượng chức năng bắt quả tang, L6 lên xe ô tô bỏ chạy thoát, còn Phạm Như L và Vì Văn L2 bị tổ công tác bắt giữ cùng số vật chứng.

Nguồn gốc số ma túy nêu trên Phạm Như L khai mua người đàn ông người Lào, nhưng L không biết tên, địa chỉ. Do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra.

Tại cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 06/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L2 về tội Mua bán trái phép chất

ma túy, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L2 đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và có ý kiến thêm:

Bị cáo Vì Văn L2 khai: Khi đi cùng L lúc đầu chỉ được biết là đi có việc sau đó trên đường đi L2 có hỏi lại thì L nói đi cùng L bán ma túy đang được giấu trong giỏ cây phong Lan, L2 sợ và bảo không đi nữa nhưng do L đi xe nhanh và nói sẽ tự chịu trách nhiệm và trả tiền công 150.000đ (bằng tiền công làm thuê trong 1 ngày) cho L2 nên L2 đã đi bán ma túy cùng L.

Bị cáo Phạm Như L khai: Chiếc xe máy bị thu giữ là của bố bị cáo cho bị cáo mượn sử dụng đi lại chung trong gia đình (bố mẹ bị cáo trước đây cùng sống chung với hai vợ chồng bị cáo nhưng hiện nay đều đã mất), nên bị cáo xin được trả lại chiếc xe trên.

Chị Vũ Thị L1 khai: Chiếc xe máy bị thu giữ có nguồn gốc do bố bị cáo L để lại, hiện nay bố bị cáo đã mất nên đây là tài sản chung trong gia đình, chị L1 xin được trả lại chiếc xe trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Phạm Như L và bị cáo Vì Văn L2 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Như L 20 (hai mươi) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Vì Văn L2 từ 18 (mười tám) đến 19 (mười chín) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo;

Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại của bị cáo Phạm Như L; trả lại chiếc xe máy BKS - 26B1 - 831.58 cho gia đình bị cáo L; trả lại 01 chiếc điện thoại di động cho bị cáo Vì Văn L2.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phạm Như L: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng, về hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng. Ngoài ra Luật sư đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sống ở vùng biên giới nên nhận thức pháp luật hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; số ma túy có khối lượng thấp và chưa phát tán ra xã hội; bị cáo có bác là liệt sỹ và chú phục vụ trong ngành Công an có thành tích được tặng thưởng Huân chương, Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo với mức hình phạt 18 năm tù.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Vì Văn L2: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng, về hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng biên giới không biết chữ do đó hiểu biết xã hội và pháp luật hạn chế, tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm, thụ động, số ma túy của các bị cáo chưa bị phát tán ra ngoài xã hội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Luật sư đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự giảm hình phạt đối bị cáo Vì Văn L2.

Bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L nhất trí với ý kiến bào chữa của luật sư, các bị cáo không có ý kiến bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tổ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai tại cơ quan điều tra là phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung Cáo trạng, đã thể hiện: Ngày 18/6/2019 Phạm Như L và Vì Văn L2 đã có hành vi vận chuyển trái phép 164,02 gam Methamphetamine (hồng phiến) mục đích để bán kiếm lời, trên đường đem ma túy đi bán thì bị tổ công tác giữa Đồn Biên phòng Cửa khẩu B, huyện C, tỉnh Sơn La phát hiện và bắt quả tang.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ như sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Đồn Biên phòng cửa khẩu B lập hồi 11 giờ 05 phút ngày 18/6/2019 đối với Phạm Như L và Vì Văn L2 cùng vật chứng thu giữ là 09 túi nilon (nghỉ là hồng phiến);

- Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định, niêm phong mẫu giám định và vật chứng do Đồn Biên phòng cửa khẩu B lập ngày 19/6/2019, xác định 08 túi nilon màu xanh và 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa tổng cộng 1.740 viên màu hồng có tổng khối lượng là 164,02 gam;

- Kết luận giám định số: 1118/KLMT ngày 20/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu từ H1 đến H9 đều là ma túy; loại Methamphetamine, tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 4,43 gam.*”

Tổng khối lượng của chất ma túy thu giữ được là 164,02 gam; loại Methamphetamine”

- Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến việc cơ quan chức năng bắt quả tang đối với các bị cáo và các chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L2 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo đã mua bán trái phép 164,02 gam Methamphetamine, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt: “... *Methamphetamine... có khối lượng 100 gam trở lên*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Xét tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đã mua bán trái phép chất ma túy có khối lượng tương đối lớn, mức độ nguy hại cho xã hội cao và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác trong xã hội, nên cần xử phạt nghiêm.

Trong vụ án: Bị cáo Phạm Như L là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội đồng thời rủ rê lôi kéo Vì Văn L2 cùng tham gia, do đó L giữ vai trò chính nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn; đối với Vì Văn L2, trước khi bị bắt L2 đang đi làm thuê cho L nên có phần phụ thuộc vào công việc L yêu cầu, L2 được L rủ đi bán cây Phong Lan và đã cầm giỏ Phong Lan đi cùng L, trên đường đi L2 có hỏi lại thì được L cho biết là đi bán ma túy đang được cất giấu trong giỏ cây Phong Lan khi được L nói sẽ chịu hết trách nhiệm và hứa trả tiền công nên L2 đã tiếp tục tham gia hành vi phạm tội, việc tham gia của L2 là thụ động với vai trò đồng phạm giúp sức, vai trò không đáng kể, do đó khi quyết định hình phạt bị cáo được xem xét áp dụng Điều 54 và 58 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo đều có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vì Văn L2 xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là

dân tộc thiểu số, sống ở vùng biên giới không biết chữ do đó hiểu biết xã hội và nhận thức về pháp luật hạn chế, dẫn đến thụ động phạm tội, nên cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Như L, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, luật sư và bị cáo có đưa ra tình tiết bị cáo có bác là liệt sĩ và có chú phục vụ trong ngành Công an được tặng thưởng Huân chương, tuy nhiên bị cáo không phải là đối tượng để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ công lao thành tích của những người nêu trên theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự: Xét hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo đều khó khăn, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng.

[7] Về vật chứng: Đối với 159,59 gam loại Methamphetamine còn lại sau khi gửi mẫu giám định, xét đây là loại chất ma túy Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đỏ đen biển kiểm soát 26B1 - 831.58 là tài sản của ông Phạm Như B (bố đẻ bị cáo L) khi vợ chồng bị cáo sống chung với bố mẹ thì được bố giao cho sử dụng đi lại, hiện bố mẹ của bị cáo đều đã chết và để lại chiếc xe trên cho vợ chồng bị cáo quản lý sử dụng, xét đây là tài sản chung sử dụng chung trong gia đình bị cáo, khi bị cáo sử dụng chiếc xe trên là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội gia đình không biết, nay bị cáo và chị Vũ Thị L1 đề nghị trả lại chiếc xe trên xét thấy là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh gia đình, cần chấp nhận.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HPHONE thu giữ của bị cáo Phạm Như L, xét là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA thu giữ của bị cáo Văn L2, xét không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L2 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Như L 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vì Văn L2 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng, tài sản: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 159,59 gam loại Methamphetamine, 01 lớp túi giấy màu trắng, 01 vỏ niêm phong ban đầu, tất cả được đựng trong một phong bì do bưu điện phát hành, đã được niêm phong.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HPHONE Model - A117, màu xanh - đen, có 02 Imei và 04 số cuối: Imei 1: 3302; Imei 2: 3310, kèm 1 sim trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Phạm Như L).

- Trả lại cho bị cáo Vì Văn L2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model 206 màu đen, có 02 imei và 04 số cuối: Imei 1: 166/6; Imei 2: 167/4, kèm 1 sim trong máy, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Vì Văn L2).

- Trả lại cho gia đình bị cáo Phạm Như L do chị Vũ Thị L1 làm đại diện: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α màu đỏ - đen, có biển kiểm soát 26B1- 831.58, xe có số khung RLHHC1210DY065718, số máy

HC12E5064281, xe có hai gương chiếu hậu, kèm 1 chìa khóa xe (thu giữ của Phạm Như L).

(Tên, số lượng, khối lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng tài sản, chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án ngày 05/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La với Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Phạm Như L và Vì Văn L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2019)/.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; LS;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Hiệp

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Anh

Bùi Thị Đào

Hoàng Trung Thành

Đinh Huy Hiệp

Thào Thị Hồng Nhung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Anh

Nguyễn Hồng Sơn

Hoàng Trung Thành

Tòng Thị Hiền

Lèo Thị Chan